

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2022/DS-ST
Ngày 29-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lân

Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Nhanh, sinh năm: 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh Hăng B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Nhiên, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch Ruộng B, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Nhanh trình bày:

Vào ngày 16/10/2019 bà có cho bà Nguyễn Hồng Nhiên vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/10/2019 bà tiếp tục cho bà Nhiên vay số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng hai lần bà đưa cho bà Nhiên 15.000.000 đồng. Ngày 16/11/2019 bà Nhiên có đóng lãi cho bà với số tiền 1.500.000 đồng sau đó thì bà Nhiên không trả vốn cũng như tiền lãi cho bà. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Hồng Nhiên trả cho bà số tiền gốc 15.000.000 đồng và bà rút lại không yêu cầu lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Hồng Nhiên vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; Các đương sự có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nhiễm là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu trả nợ vay của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp Biên bản hòa giải ngày 03/9/2020 tại ấp Rạch Ruộng B, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời và Biên bản xác minh ngày 25/02/2021 tại nhà bà Nguyễn Hồng Nhiễm có nội dung bà Nhiễm thừa nhận có nợ nguyên đơn và có hứa trả, bà Nhiễm đều có ký tên vào các biên bản trên. Do bà Nhiễm hứa trả nợ vay nhưng đến nay không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán.

[4] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nhiễm để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để thể hiện sự phản đối trước yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ vay mà nguyên đơn yêu cầu.

[5] Từ các căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận việc bị đơn có nợ tiền vay như nguyên đơn trình bày là thực tế có xảy ra và hiện nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 7.785.400 đồng. Căn cứ Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 7.785.400 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí đã được miễn dự nộp nên không hoàn lại. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 750.000 đồng là phù hợp theo quy định điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nhanh.

Buộc bà Nguyễn Hồng Nhiên có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Nhanh số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nhanh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nhiên không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nhiên còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nhanh về yêu cầu bà Nguyễn Hồng Nhiên trả lãi số tiền 7.785.400 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Nhanh không phải chịu, đã được miễn dự nộp nên không hoàn lại. Bà Nguyễn Hồng Nhiên phải chịu án phí số tiền 750.000 đồng (chưa nộp).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan